

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST
Ngày 19-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-KDTM ngày 20/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2024, **Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu công nghiệp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Bích P, sinh năm 2001; địa chỉ: Số D, đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T (theo Giấy ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty TNHH T), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Số G, đường B, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Liu Y, sinh năm 1970; chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà Vũ Thị Bích P trình bày:

Ngày 10/5/2019, giữa Công ty TNHH T (gọi tắt Công ty T) với Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) có ký với nhau Hợp đồng kinh tế số 114/HĐKT-2019, nội dung cụ thể như sau:

+ Công ty TNHH T là bên bán có trách nhiệm cung cấp các loại sơn màu, sơn dầu chuỗi pha sơn và các loại chất trám trét cho Công ty TNHH S là bên mua.

+ Giá bán và số lượng cụ thể của từng loại hàng hóa được hai bên thống nhất căn cứ vào đơn đặt hàng cụ thể của bên mua và bảng báo giá của bên bán tại từng thời điểm giao hàng, thể hiện trên hóa đơn chính bên bán xuất hàng cho bên mua.

+ Chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được bên mua thống nhất. Bên bán sẽ phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa khi giao cho bên mua và phải phù hợp với tiêu chuẩn hàng hóa đã được bên mua chấp nhận.

+ Về điều kiện và hình thức thanh toán: Thanh toán trước ngày 05 mỗi tháng và thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 60 ngày sau khi đối chiếu công nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hóa, đúng tiêu chuẩn chất lượng như xác đơn đặt hàng của bị đơn. Mặt khác, mặc dù đến khi hết thời hạn của hợp đồng mà hai bên đã ký kết nhưng do bị đơn vẫn có nhu cầu mua hàng nên khi bị đơn đặt hàng thì nguyên đơn tiếp tục giao, mỗi lần giao đều có hóa đơn. Tổng số tiền bị đơn đã mua hàng của nguyên đơn là 1.864.326.547đ, đến ngày 27/5/2021 bị đơn mới thanh toán được 629.180.000đ, số tiền còn lại 1.235.146.547đ mặc dù hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Theo như biên bản đối chiếu công nợ có sự chỉnh sửa về số tiền được đánh máy là 1.235.146.547đ, nhưng sau đó được sửa bằng bút mực thành số tiền 1.235.072.700đ. Việc chỉnh sửa này là do nguyên đơn đã sửa sau khi bị đơn yêu cầu trừ đi số tiền phí chuyển khoản. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 1.235.072.700đ và tiền lãi chậm trả là 10/3/2022 đến ngày 10/5/2024 là 26 tháng, với mức lãi 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng x 1.235.072.700đ = 267.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.502.671.785đ. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu phải tiếp tục trả lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

* *Bị đơn Công ty TNHH S: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 04/12/2023, Công ty T có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty S phải thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo Hợp đồng kinh tế số 114/HĐKT-2019 ngày 10/5/2019 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty T xác định địa chỉ bị đơn Công ty S có trụ sở là Lô N, đường N K, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên. Tuy nhiên, qua xác minh tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B thì bị đơn Công ty S có trụ sở tại Số G, đường B, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn bà Vũ Thị Bích P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là được đăng trên B1 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 17, 18, 19 tháng 4 năm 2024 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (V) trong 03 ngày liên tiếp 15, 16, 17 tháng 4 năm 2024 nhưng đến nay Công ty S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hợp đồng mà hai bên đã ký kết: Ngày 10/5/2019, giữa Công ty T với Công ty S ký kết Hợp đồng kinh tế số 114/HĐKT-2019 theo đó Công ty T bán cho Công ty S loại sơn màu, sơn dầu chuỗi pha sơn và các loại chất trám trét.

Như vậy, Hợp đồng kinh tế mà hai bên ký kết được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ đúng quy định tại Điều 116, 119, 430 của Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 24, Điều 25 của Luật thương mại nên phát sinh hiệu lực.

[2.2]. Về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu:

[2.2.1]. Về số tiền nợ gốc: Ngày 10/5/2019, Công ty T với Công ty S ký kết Hợp đồng kinh tế số 114/HĐKT-2019. Theo thỏa thuận, Công ty T bán cho Công ty S loại sơn màu, sơn dầu chuỗi pha sơn và các loại chất trám trét. Phía nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận. Sau đó hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận số tiền bị đơn đang nợ của nguyên đơn số tiền 1.235.072.700đ.

Xét thấy: Theo như hợp đồng kinh tế mà hai bên đã thỏa thuận thì thời gian thanh toán: Bên mua thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho bên bán sau khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ. Theo như B đối chiếu công nợ đến 01/5/2021 đến ngày 31/5/2021 mà hai bên đã ký kết thì số tiền hai bên chốt công nợ là 1.235.072.700đ. Đến ngày 10/01/2022, Công ty T gửi cho Công ty S về việc xác nhận số tiền dư nợ và đã được phía Công ty S ký xác nhận. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty S vẫn chưa thanh toán cho Công ty T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn Công ty T nên nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.235.072.700đ theo Hợp đồng

kinh tế số 114/HĐKT-2019 ngày 10/5/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2]. Về lãi suất chậm thanh toán:

Theo như Hợp đồng kinh tế số 114/HĐKT-2019 ngày 10/5/2019 hai bên không thỏa thuận nhưng do bị đơn đã không thanh toán tiền nợ gốc cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/5/2024, với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83/tháng là 267.599.085đ. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Xét thấy: theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng NI; Ngân hàng TMCP C) thì mức lãi suất là 15,1%/năm, tương đương 1,25%/tháng, tương đương 0,04%/ ngày.

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất 0,83%/tháng thấp hơn lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính cụ thể như sau: Từ 10/3/2022 đến ngày 10/5/2024 là 27 tháng 09 ngày x 0,83%/tháng x là 1.235.072.700đ = 279.855.123đ

[2.2.3]. Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.235.072.700đ + 279.855.123đ = 1.514.927.823đ.

[3]. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 3.673.745đ, nguyên đơn phải chịu số tiền trên theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp xong.

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 351, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH S.

Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền nợ gốc 1.235.072.700đ (Một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng), tiền lãi 279.855.123đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng), tổng cộng 1.514.927.823đ (Một tỷ năm trăm mười bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Công ty TNHH T phải chịu số tiền là 3.673.745đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng) được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu số tiền 57.448.000đ (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 28.232.500đ (Hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001836 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị H

